

Số: 06 /2018/QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 02 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 46/TTr-STTTT ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc ban hành Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Công an Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản) (b/c);
- TTr.TU; TTr.HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Báo BR-VT; Đài PTTH tỉnh;
- TT Công báo-Tin học Tỉnh;
- Các DN viễn thông, truyền hình cáp;
- Lưu: VT-VX3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Minh Thông

QUY ĐỊNH

Quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2018/QĐ-UBND ngày 02/ 02/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về việc quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

b) Những quy định về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Viễn thông, Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật gồm công trình giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước và các công trình khác.

2. Sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật là việc các tổ chức, cá nhân bố trí, lắp đặt đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng (gọi chung là đường dây, cáp); đường ống cấp nước, thoát nước, cấp năng lượng (gọi chung là đường ống) vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là các công trình được xây dựng để bố trí, lắp đặt đường dây, cáp và đường ống, bao gồm: Cột ăng ten; cột treo cáp (dây dẫn); cống cáp; hào và tuy nèn kỹ thuật; đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt.

4. Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động bao gồm nhà, trạm viễn thông, cột ăng ten, cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm (cống, bể, hào và tuy nèn kỹ thuật,...).

5. Trạm BTS: Trạm thu, phát sóng thông tin di động bao gồm cột ăngten, nhà trạm, các trang thiết bị đảm bảo việc thu, phát sóng thông tin di động và các thiết bị phụ trợ khác.

6. *Cột ăng ten không công kênh* (gọi là cột ăng ten loại A1) là cột ăng ten được lắp đặt trong và trên các công trình xây dựng nhưng không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực, an toàn của công trình xây dựng, bao gồm:

a) Cột ăng ten tự đứng được lắp đặt trên các công trình xây dựng có chiều cao của cột (kể cả ăng ten, nhưng không bao gồm kim thu sét) không quá 20% chiều cao của công trình nhưng tối đa không quá 3 mét và có chiều rộng từ tâm của cột đến điểm ngoài cùng của cấu trúc cột ăng ten (kể cả cánh tay đòn của cột và ăng ten) dài không quá 0,5 mét (gọi là cột ăng ten loại A1a).

b) Cột ăng ten thân thiện với môi trường là cột ăng ten được thiết kế, lắp đặt ẩn trong kiến trúc của công trình đã xây dựng, mô phỏng lan can, mái hiên, mái vòm, bệ cửa, vỏ điều hòa, bồn nước, tháp đồng hồ, tác phẩm điêu khắc, v.v, hoặc được lắp đặt kín trên cột điện, đèn chiếu sáng hoặc dưới các hình thức nguy trang phù hợp với môi trường xung quanh và có chiều cao, chiều rộng như quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều này (gọi là cột ăng ten loại A1b).

7. *Cột ăng ten công kênh* (gọi là cột ăng ten loại A2) bao gồm:

a) Cột ăng ten được lắp đặt trên các công trình xây dựng không thuộc cột ăng ten loại A1 theo quy định tại Khoản 5 Điều này (gọi là cột ăng ten loại A2a).

b) Cột ăng ten lắp đặt trên mặt đất (gọi là cột ăng ten loại A2b).

c) Các loại ăng ten khác không thuộc cột ăng ten các loại A1a, A1b, A2a, A2b (gọi là cột ăng ten loại A2c).

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý, giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn, phân cấp trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn quản lý.

2. Việc xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông phải tuân thủ đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định, phù hợp quy hoạch về viễn thông, của các ngành có liên quan và phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của Tỉnh; đảm bảo yêu cầu về an toàn mạng lưới, cảnh quan môi trường, mỹ quan đô thị, an ninh-quốc phòng; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

3. Ưu tiên và tạo điều kiện trong việc phối hợp xây dựng và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật tham gia xã hội hóa công tác đầu tư xây dựng hệ thống công, bể cáp, cột ăngten cho các doanh nghiệp viễn thông thuê để ngầm hóa cáp viễn thông và lắp đặt trạm thu, phát sóng vô tuyến điện dùng cho viễn thông.

4. Áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để quy hoạch và quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn Tỉnh.



Chương II

QUY HOẠCH, THIẾT KẾ, XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Điều 4. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Tỉnh

1. Căn cứ Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Tỉnh đã được phê duyệt, hàng năm Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, ý kiến của các ngành có liên quan và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật khác, chủ dự án phải cập nhật các nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được phê duyệt vào dự án đầu tư.

Điều 5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn Tỉnh của doanh nghiệp

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn Tỉnh của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 18 Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Điều 6 của Quy định này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn Tỉnh của doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp xây dựng, thực hiện kế hoạch triển khai Quy hoạch của doanh nghiệp sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; chủ động phản ánh các vướng mắc, khó khăn, đề xuất, kiến nghị trong quá trình thực hiện.

Điều 6. Quy trình phối hợp thẩm định, phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn Tỉnh của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và nộp hồ sơ bằng dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận văn thư của Sở Thông tin và Truyền thông vào các ngày làm việc trong tuần.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Thông tin và Truyền thông có thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp bổ sung, hoàn chỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt quy hoạch.

a) Trong thời gian 5 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông gửi hồ sơ thẩm định quy hoạch tới các cơ quan, đơn vị có liên quan để lấy ý kiến đóng góp.

b) Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý nội dung hồ sơ thẩm định quy hoạch của Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi ý kiến góp ý bằng văn bản tới Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.

c) Sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan, đơn vị, trong thời gian 15 ngày làm việc Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp ý kiến và tổ chức họp thẩm định hồ sơ quy hoạch.

d) Trường hợp thẩm định hồ sơ không đạt yêu cầu, trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp thẩm định, Sở Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

đ) Trường hợp thẩm định hồ sơ đạt yêu cầu, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp thẩm định, Sở Thông tin và Truyền thông lập báo cáo thẩm định; phối hợp với doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ quy hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Trong thời gian 15 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt quy hoạch của doanh nghiệp.

3. Sở Thông tin và Truyền thông trả kết quả giải quyết hồ sơ quy hoạch được phê duyệt cho doanh nghiệp.

Điều 7. Thiết kế, xây dựng, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông

1. Thiết kế, xây dựng, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông phải tuân thủ quy định tại Điều 59 Luật Viễn thông, Điều 42 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Điều 8 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Chương 3 của Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 42 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết các thông tin phản ánh của người dân liên quan đến việc xây dựng và sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

Chương III XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 8. Hình thức xây dựng và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Các công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư (từ nguồn vốn ngân sách) sau đó cho các doanh nghiệp sử dụng bằng hình thức thu phí sử dụng để lắp đặt các đường dây, cáp viễn thông, cáp điện lực, chiếu sáng và cáp truyền dẫn tín hiệu khác;

2. Các công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư (ngoài nguồn vốn ngân sách) sau đó cho các doanh nghiệp khác thuê lại để lắp đặt các đường dây, cáp viễn thông, cáp điện lực, chiếu sáng và cáp truyền dẫn tín hiệu khác;

3. Các công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư (kết hợp từ nhiều nguồn vốn) sau đó phân chia dung lượng cho các doanh nghiệp sử dụng để lắp đặt các

đường dây, cáp viễn thông, cáp điện lực, chiếu sáng và cáp truyền dẫn tín hiệu khác theo tỷ lệ đầu tư.

Điều 9. Các quy định chung

1. Hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

a. Áp dụng các điều khoản quy định trong “Mẫu hợp đồng” ban hành kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung.

b. Căn cứ điều kiện cụ thể và các quy định có liên quan, khi ký kết hợp đồng các bên có thể bổ sung các điều khoản, nội dung khác cho phù hợp.

2. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

a. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông theo quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

b. Đối với công trình đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cho thuê áp dụng thống nhất trên địa bàn toàn Tỉnh.

3. Công bố thông tin

a. Thông tin công bố phải được thực hiện công khai, minh bạch và chính xác.

b. Các tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng các nội dung thông tin cần niêm yết, công bố, công khai trên trang thông tin điện tử của tổ chức, doanh nghiệp hoặc bằng hình thức thích hợp khác về cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho thuê hoặc dùng chung gồm: khả năng đáp ứng, các điều kiện kỹ thuật trong quá trình vận hành, khai thác, mức giá cho thuê,.. và báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính vào quý I hàng năm để quản lý, giám sát và hướng dẫn.

c. Nếu có những thay đổi về mức giá và các thông tin khác liên quan thì tổ chức, doanh nghiệp đang quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho thuê hoặc dùng chung phải cập nhật, công bố lại cho phù hợp.

4. Quy tắc ứng xử

a. Các bên tham gia dùng chung hạ tầng kỹ thuật khi tiến hành sửa chữa, nâng cấp, lắp đặt thiết bị liên quan phải có thông báo bằng văn bản cho các đơn vị dùng chung hạ tầng trước bảy (07) ngày. Trường hợp ứng cứu thông tin đột xuất thì thực hiện thông báo bằng điện thoại hoặc fax, nhưng sau đó phải có thông báo bằng văn bản cho đơn vị liên quan đang sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật.

b. Các đơn vị sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật phải thiết lập số điện thoại đường dây nóng, phân công cán bộ phụ trách để liên hệ phối hợp xử lý khi có sự cố, cũng như các tình huống khẩn cấp xảy ra.

Điều 10. Nguyên tắc xây dựng và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được thực hiện theo nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm, đảm bảo cảnh quan, môi trường, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, an ninh-quốc phòng, phù hợp với quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của Tỉnh.

2. Việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được thực hiện thông qua hợp đồng theo quy định trên cơ sở đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia; đồng thời đảm bảo người sử dụng dịch vụ được tự do lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nhằm thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp.

3. Khi di dời công trình hạ tầng kỹ thuật để giải phóng mặt bằng theo quyết định thu hồi đất của Nhà nước, các đơn vị, doanh nghiệp sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật phải chấp hành theo phương án mà chủ dự án đã thống nhất với đơn vị, doanh nghiệp cho thuê cơ sở hạ tầng theo quy định của pháp luật.

4. Không lợi dụng quy định việc xây dựng và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật để gây sức ép, cạnh tranh không lành mạnh, phá hoại tài sản hoặc làm gián đoạn tín hiệu thông tin của các doanh nghiệp viễn thông cùng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

5. Đối với các khu vực đô thị, các khu công nghiệp, trung tâm dịch vụ, thương mại, du lịch và các công trình giao thông đã có công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đáp ứng việc sử dụng chung cho các doanh nghiệp, các doanh nghiệp không được xây dựng hệ thống cống, bể ngầm mới, phải phối hợp sử dụng chung với công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật sẵn có.

6. Đối với các khu vực đã có công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật nhưng không đáp ứng việc sử dụng chung thì khi nhận được đề nghị thuê để sử dụng chung cơ sở hạ tầng, đơn vị sở hữu công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp cùng cải tạo, nâng cấp, mở rộng sau đó phân chia dung lượng sử dụng theo tỷ lệ đầu tư và chi phí quản lý vận hành, bảo trì.

7. Đối với các khu vực chưa có công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật, các đơn vị, doanh nghiệp được phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cống, bể ngầm, cột treo cáp,..) trên cơ sở tuân thủ tại Khoản 2, Điều 3 và Điều 7 của Quy định này.

8. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị sử dụng chung cơ sở hạ tầng, đơn vị sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật phải có văn bản trả lời cho doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng chung cơ sở hạ tầng. Nếu quá thời hạn nêu trên mà đơn vị sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật không có văn bản trả lời, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng chung cơ sở hạ tầng đề nghị các cơ quan chức năng có liên quan xem xét, giải quyết.

9. Trong trường hợp doanh nghiệp viễn thông không thỏa thuận được việc dùng chung cơ sở hạ tầng hoặc cơ sở hạ tầng hiện hữu không đáp ứng và không thể cải tạo, nâng cấp, mở rộng thì doanh nghiệp viễn thông muốn dùng chung báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn

vị có liên quan giải quyết hoặc tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phương án giải quyết phù hợp.

10. Việc xây dựng và sử dụng chung đường truyền dẫn thông qua thương lượng trên cơ sở bảo đảm công bằng, hợp lý, phù hợp với quyền và lợi ích của các bên tham gia; tiết kiệm chi phí đầu tư, rút ngắn thời gian triển khai và bảo đảm cảnh quan môi trường đô thị; sử dụng hiệu quả tài nguyên viễn thông và cơ sở hạ tầng viễn thông; bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về kết nối viễn thông và an toàn, thống nhất của các mạng viễn thông.

Điều 11. Xây dựng và sử dụng chung nhà trạm, cột ăngten trạm BTS

1. Trước khi xây dựng, đưa vào sử dụng nhà trạm, cột ăngten trạm BTS (loại cột A2) các doanh nghiệp phải thiết kế công trình có kết cấu, độ rộng nhà trạm, chiều cao cột ăngten đảm bảo việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng nhà trạm, cột ăngten, đồng thời tuân thủ tại Khoản 2, Điều 3 và Điểm b, Khoản 3, Điều 9 của Quy định này.

2. Hạn chế việc xây dựng lắp đặt quá nhiều cột ăngten gần nhau trong cùng khu vực hoặc lắp đặt quá nhiều ăngten thu, phát sóng làm cho cột ăngten trở nên quá công kềnh, gây mất an toàn và mỹ quan đô thị.

3. Đối với các cột ăngten trạm BTS (loại cột A2) phải cách nhau tối thiểu trong phạm vi bán kính 150 mét đối với khu vực đô thị và bán kính 400 mét đối với khu vực ngoài đô thị; dưới khoảng cách này các doanh nghiệp không được xây dựng lắp đặt cột ăngten trạm BTS (loại cột A2), phải thực hiện đàm phán với doanh nghiệp sở hữu cột ăngten trạm BTS (loại cột A2) trước đó để thuê lại, dùng chung cơ sở hạ tầng nhà trạm, cột ăngten.

4. Các cột ăngten phục vụ cho an ninh, quốc phòng phải có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền theo quy định; hệ thống ăngten lắp đặt trên cột ăngten phải đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và các quy định khác có liên quan.

Điều 12. Xây dựng và sử dụng chung hệ thống cống, bể cáp

1. Trước khi xây dựng, đưa vào sử dụng hệ thống cống, bể cáp, các doanh nghiệp phải thiết kế công trình đảm bảo việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng cống, bể cáp cho các doanh nghiệp khác, đồng thời tuân thủ tại Khoản 2, Điều 3 và Điểm b, Khoản 3, Điều 9 của Quy định này.

2. Hạn chế việc đầu tư, xây dựng hai (02) hệ thống cống, bể cáp trên cùng một tuyến (trừ trường hợp công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đã có sẵn nhưng không đáp ứng được cho việc sử dụng chung, nhưng tối đa không quá hai tuyến).

Điều 13. Xây dựng và sử dụng chung cột treo cáp

1. Các doanh nghiệp không được trồng cột treo cáp hoặc sử dụng hệ thống cột điện lực để kéo cáp treo ở các khu vực bắt buộc ngầm hóa 100% mạng cáp, dây thuê bao trên địa bàn các huyện, thành phố đã được quy định.

2. Đối với các tuyến đường đã có hệ thống cột treo cáp, các doanh nghiệp có nhu cầu kéo cáp treo phải thực hiện đàm phán với doanh nghiệp sở hữu cột treo cáp hiện hữu để thuê lại, dùng chung cơ sở hạ tầng; các doanh nghiệp không đầu tư, xây dựng nhiều hệ thống cột treo cáp trên cùng một tuyến. Trường hợp trên một tuyến cùng tồn tại tuyến cột treo cáp và tuyến cống, bể

ngầm thì việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng phải được ưu tiên sử dụng tuyến công, bề ngầm (nếu tuyến công, bề ngầm đủ năng lực để cho thuê, sử dụng chung cơ sở hạ tầng).

3. Đối với các đơn vị sử dụng cột treo cáp phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng, phòng chống thiên tai phải có hồ sơ thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận tuyến cáp viễn thông phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng, phòng chống thiên tai.

4. Ngoài việc tuân thủ các quy định được nêu tại Điều này, doanh nghiệp phải thực hiện theo các nội dung tại Quy định sử dụng chung cột điện để treo cáp viễn thông và chỉnh trang làm gọn cáp viễn thông treo trên cột điện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 14. Xây dựng và sử dụng chung đường truyền dẫn

1. Doanh nghiệp viễn thông có thể thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông.

2. Doanh nghiệp viễn thông có nghĩa vụ thực hiện nhiệm vụ viễn thông công ích do Nhà nước giao và đóng góp tài chính vào Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố; bảo đảm tính đúng, đủ, chính xác giá cước theo hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông; chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin; báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông về hoạt động của doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của nội dung và số liệu báo cáo.

3. Doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu theo quy định, khi kết nối mạng viễn thông công cộng có trách nhiệm: tạo điều kiện thuận lợi cho việc đàm phán và thực hiện kết nối của doanh nghiệp viễn thông khác; cung cấp kết nối tại bất kỳ điểm nào khả thi về mặt kỹ thuật trên mạng viễn thông; bảo đảm kết nối kịp thời, hợp lý, công khai, minh bạch; không phân biệt đối xử về giá cước, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông, chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông.

Chương IV

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Thanh tra, kiểm tra

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiến hành thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ quy định này và các quy định khác có liên quan đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân hoạt động quản lý, phát triển cơ sở hạ tầng trên địa bàn Tỉnh.

2. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra phải cung cấp những thông tin, tài liệu cần thiết; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu đã cung cấp; tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thanh tra, kiểm tra.

Điều 16. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm

1. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

a) Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo với nội dung:

Khiếu nại trong quá trình đàm phán giữa các bên do không thống nhất được việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông;

Tố cáo hành vi vi phạm các quy định về sử dụng chung hạ tầng viễn thông được ban hành tại quy định này.

b) Các khiếu nại, tố cáo khác có liên quan thì tùy nội dung, tính chất công việc và thẩm quyền được Sở tiếp nhận, giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý vi phạm

a) Các hành vi vi phạm các quy định về hoạt động quản lý, phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân có hành vi gây rối, cản trở trái phép đến hoạt động quản lý, phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông. Các hành vi vi phạm tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tiếp nhận thông tin, lập hồ sơ tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm theo thẩm quyền hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các vi phạm trong hoạt động quản lý, phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn Tỉnh.

CHƯƠNG V TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Điều 17. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai, thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn việc thiết kế, thi công hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động kết hợp với các công trình xây dựng công cộng, công trình giao thông, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu đô thị, tòa nhà nhiều chủ sử dụng (chung cư, tòa nhà văn phòng, khách sạn) và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

3. Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các doanh nghiệp chủ động xây dựng, sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra, giám sát các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong hoạt động quản lý, phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn Tỉnh.

5. Định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện Quy định này.

Điều 18. Sở Xây dựng

1. Chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch đô thị, quy hoạch khu dân cư, quy hoạch khu công nghiệp mới phải có nội dung quy hoạch hạ tầng viễn thông đồng bộ với quy hoạch về điện, cấp nước, thoát nước.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị tư vấn thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật để lắp đặt các đường dây, cáp viễn thông, cáp truyền hình, cáp điện lực, chiếu sáng và cáp truyền dẫn tín hiệu khác.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn các chủ đầu tư khi lập dự án đầu tư bắt buộc phải có nội dung đầu tư hạ tầng kỹ thuật viễn thông.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan có liên quan thẩm định dự án, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, cấp phép xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trên địa bàn Tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 19. Sở Giao thông vận tải

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị tư vấn thiết kế các công trình giao thông có thiết kế kỹ thuật viễn thông phù hợp thiết kế hạ tầng kỹ thuật giao thông đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện công tác lập quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch hạ tầng giao thông nhằm đảm bảo triển khai đồng bộ, hiệu quả.

3. Thực hiện công tác thẩm định an toàn giao thông và cấp phép thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Sở Công Thương

1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan có liên quan giải quyết việc sử dụng chung hệ thống cột của ngành điện khi nhận được đề nghị của các doanh nghiệp.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn Công ty Điện lực Bà Rịa-Vũng Tàu và các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác hệ thống cột điện cho các doanh nghiệp viễn thông thuê sử dụng cột điện để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông.

Điều 21. Sở Tài chính

1. Chủ trì tiếp nhận văn bản thông báo đăng ký giá thuê của tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung tại đô thị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; Chủ trì, phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành xem xét, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của thông báo đăng ký giá thuê.

2. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hiệp thương giá theo thẩm quyền; kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích ưu đãi đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình viễn thông trên địa bàn Tỉnh.

Điều 23. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tạo điều kiện thuận lợi trong việc tổ chức giao đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình viễn thông trên địa bàn Tỉnh.

Điều 24. Ban Quản lý các khu công nghiệp Tỉnh

1. Chỉ đạo xây dựng quy hoạch và đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp có hạng mục đầu tư hạ tầng viễn thông.

2. Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông tham gia đầu tư, phát triển, kinh doanh hạ tầng viễn thông và cung cấp dịch vụ viễn thông cho các khu công nghiệp.

3. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác kiểm tra, kiểm soát việc đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông trong các khu công nghiệp thực hiện theo Quy định này.

4. Cấp phép cho các công trình viễn thông đầu tư thuộc khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình viễn thông đầu tư trong các khu công nghiệp theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân Tỉnh theo quy định hiện hành.

Điều 25. Công an Tỉnh

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn, an ninh trên địa bàn, ngăn chặn kịp thời các hành vi phá hoại, cố tình cản trở việc xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông.

2. Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn Tỉnh.

Điều 26. Đài Phát thanh-Truyền hình Tỉnh, Báo Bà Rịa-Vũng Tàu

Tích cực đưa tin, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, lợi ích kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng trong việc xây dựng, dùng chung hạ tầng viễn thông và trách nhiệm bảo vệ công trình trên địa bàn Tỉnh.

Điều 27. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân có liên quan hiểu rõ chủ trương, mục đích, yêu cầu của việc sử dụng chung hạ tầng viễn thông trên địa bàn quản lý.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông dùng chung trên địa bàn; thực hiện việc thẩm định, cấp phép xây dựng mới; cải tạo, nâng cấp, mở rộng hoặc sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án để thực hiện ngầm hóa và chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông tại địa phương.

4. Chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý vi phạm về đầu tư và dùng chung hạ tầng viễn thông trên địa bàn quản lý.

Điều 28. Các doanh nghiệp viễn thông và truyền hình cáp

1. Có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện đúng Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan về tiêu chuẩn, quy chuẩn, kiểm định công trình, quy hoạch, đầu tư và xây dựng cơ bản.

2. Tăng cường liên hệ, hợp tác với các doanh nghiệp, đơn vị sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật để sử dụng chung cơ sở hạ tầng trên nguyên tắc đàm phán hai bên cùng có lợi.

3. Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan, các cấp chính quyền địa phương để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xây dựng và đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông.

4. Định kỳ báo cáo kịp thời, đầy đủ các kế hoạch phát triển về hạ tầng viễn thông trên địa bàn Tỉnh về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 25/01 hàng năm và báo cáo đột xuất khác khi có yêu cầu.

5. Các doanh nghiệp khác sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông: Phối hợp với các Sở, ngành liên quan, đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thực hiện đúng Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 29. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy định này, yêu cầu các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông